

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,750 – 1,770 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,766.85 điểm, tăng gần 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng cá nhân & gia dụng dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng trên sàn HNX. Thị trường đang có xu hướng thu hẹp biên độ dao động và hình thành nền giá quanh ngưỡng 1,765. Diễn biến này có thể sẽ duy trì trong vài phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm, ngược chiều với vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.90** điểm, đóng cửa tại **1766.85** điểm. HNX-Index **+0.96** điểm, đóng cửa tại **277.08** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.24)**, **MSN (+2.11)**, **VJC (+1.49)**, **GEE (+1.03)**, **VRE (+0.80)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.84)**, **CTG (-1.20)**, **VPB (-0.89)**, **VPL (-0.64)**, **GVR (-0.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,974** tỷ đồng, giảm **-1.49%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 40,372 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.95 điểm. Thị trường có **180** mã tăng, 57 mã tham chiếu, **129** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **544.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **NLG (298.79 tỷ)**, **DXG (244.99 tỷ)**, **GEX (199.64 tỷ)**, **VIX (128.77 tỷ)**, **VIC (87.18 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-132.05** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.61%**. Các mã diễn biến tích cực:
MSN (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+5.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+3.14%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
NLG (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
PNJ (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
DIG (+6.96%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.61%	1.11%	0.51%	0.63%
1 tuần	-0.79%	0.41%	2.94%	4.19%
1 tháng	-3.90%	-2.40%	5.11%	7.83%
3 tháng	7.34%	11.39%	18.00%	23.02%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,766.85	277.08	112.37
% 1D	0.51%	0.35%	0.04%
GTKL (tỷ VND)	34,974	2,474	600
%1D	-1.49%	8.13%	-7.62%
GDNN (tỷ VND)	544.61	-132.05	7.95

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NLG	298.79	SHB	-164.57
DXG	244.99	SSI	-113.54
GEX	199.64	HPG	-103.92
VIX	128.77	VCI	-101.84
VIC	87.18	CII	-89.25

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

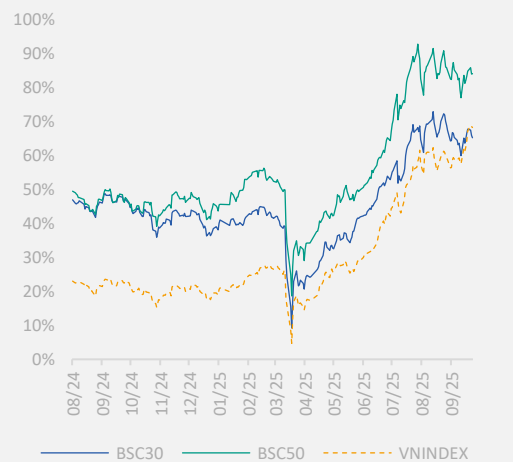
		%D	%W
SPX	6,671	0.40%	-1.22%
FTSE100	9,414	-0.12%	-1.00%
Eurostoxx	5,613	0.00%	-0.37%
Shanghai	3,916	0.10%	-0.45%
Nikkei	48,278	1.27%	1.20%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.28	-0.30%
Giá vàng	4,234	0.22%
Tỷ giá		
USD/VND	26,364	-0.02%
EUR/VND	31,497	0.29%
JPY/VND	179	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.03%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

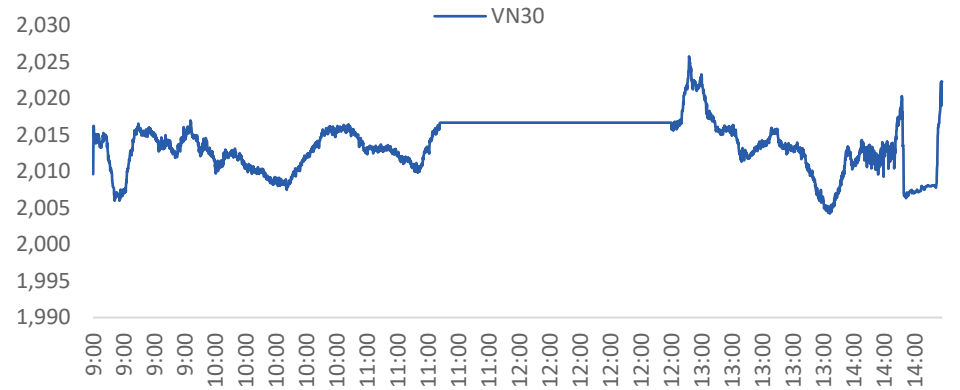
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	2008.50	-0.34%	25,544	78.8%	20/11/2025	35
41I1FA000	2012.70	-0.46%	226,174	-19.5%	16/10/2025	0
VN30F2512	2007.00	-0.38%	223	-60.2%	18/12/2025	63
41I1G3000	1982.10	-0.10%	29	-42.00%	19/03/2026	154

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +12.63 điểm, đóng cửa tại 2022.27 điểm. Biên độ dao động 21.52 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VIC, VJC, VRE, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với biên độ hẹp trong phiên phái sinh. Thanh khoản nằm gần ngưỡng MA20. Chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm, ngược chiều với vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1FB000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2406	4/11/2025	19	1,273,200	3.38%	79.00	2,030	88.0%	1.61	91.18	88.20	88.20
CMSN2503	27/10/2025	11	2,837,100	1.42%	75.00	2,890	64.2%	2.66	89.45	88.20	88.20
CMSN2510	23/02/2026	130	1,110,700	12.92%	83.40	1,620	54.3%	1.07	99.60	88.20	88.20
CMSN2509	19/12/2025	64	1,346,500	6.46%	82.00	1,190	45.1%	0.92	93.90	88.20	88.20
CMSN2508	19/11/2025	34	979,400	4.17%	79.78	1,210	40.7%	0.96	91.88	88.20	88.20
CMSN2517	3/12/2025	48	721,700	9.28%	86.69	970	34.7%	0.56	96.39	88.20	88.20
CMSN2514	15/12/2025	60	1,574,400	2.89%	68.00	4,550	33.4%	4.17	90.75	88.20	88.20
CMSN2519	20/05/2026	216	309,900	15.65%	86.00	3,200	29.0%	2.35	102.00	88.20	88.20
CMSN2516	23/06/2026	250	141,800	10.70%	72.00	6,410	28.5%	5.31	97.64	88.20	88.20
CMSN2515	23/12/2025	68	219,800	2.59%	64.00	3,310	27.3%	3.10	90.48	88.20	88.20
CMSN2511	12/01/2026	88	815,100	2.72%	59.00	3,950	21.9%	3.74	90.60	88.20	88.20
CMSN2512	20/05/2026	216	873,300	6.28%	60.00	4,820	20.2%	4.34	93.74	88.20	88.20
CVJC2506	25/06/2026	252	155,700	19.31%	167.80	3,920	13.6%	2.07	207.00	173.50	173.50
CVNM2518	3/04/2026	169	153,600	24.36%	68.11	800	11.1%	0.17	76.11	61.20	61.20
CVJC2504	3/12/2025	48	131,400	-2.14%	97.98	3,590	9.8%	3.81	169.78	173.50	173.50
CFPT2505	9/01/2026	85	22,000	55.59%	136.27	400	8.1%	0.00	139.72	89.80	89.80
CVRE2513	15/12/2025	60	795,900	0.69%	30.00	6,850	8.0%	6.82	43.70	43.40	43.40
CMWG2407	4/11/2025	19	541,200	0.07%	69.01	2,630	7.3%	2.65	84.56	84.50	84.50
CVRE2518	4/05/2026	200	15,500	5.34%	29.00	4,180	7.2%	3.84	45.72	43.40	43.40
CVRE2511	13/04/2026	179	800	1.61%	21.50	11,300	6.8%	11.20	44.10	43.40	43.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CMSN2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 87.96%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.35%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	88.20	6.91%	6.89
VIC	213.10	1.72%	4.88
VJC	173.50	6.38%	4.28
VRE	43.40	3.58%	2.02
MWG	84.50	1.44%	1.93

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	122.00	-1.61%	-2.11
VPB	33.20	-1.48%	-1.51
STB	59.50	-0.83%	-0.62
LPB	51.30	-0.58%	-0.59
CTG	53.80	-1.82%	-0.55

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	213.10	1.72%	3.24	3.88
MSN	88.20	6.91%	2.11	1.52
VJC	173.50	6.38%	1.49	0.59
GEE	177.40	7.00%	1.03	0.37
VRE	43.40	3.58%	0.80	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.70	4.12%	0.52	1.07
KSV	157.00	1.36%	0.29	0.20
NTP	65.10	3.33%	0.25	0.17
PVS	31.10	1.97%	0.20	0.48
SHS	27.30	1.11%	0.18	0.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	21.40	7.00%	0.03	0.05
NLG	42.05	7.00%	0.26	14.39
GEE	177.40	7.00%	1.03	1.66
HU1	7.21	6.97%	0.00	0.03
PNJ	92.10	6.97%	0.50	2.99

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L40	110.10	9.99%	0.45	0.11
SGC	113.80	9.85%	0.30	0.00
SDU	27.10	9.27%	0.19	0.00
VE1	3.60	9.09%	0.01	0.07
CTT	24.50	8.89%	0.04	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	122.00	-1.61%	-1.84	4.11
CTG	53.80	-1.82%	-1.20	5.37
VPB	33.20	-1.48%	-0.89	7.93
VPL	82.10	-1.91%	-0.64	1.79
GVR	27.20	-0.91%	-0.23	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	26.10	-2.25%	-0.15	0.38
BAB	13.30	-1.48%	-0.13	0.96
MBS	33.70	-0.88%	-0.11	0.57
KSF	89.70	-0.44%	-0.08	0.30
IDC	36.90	-0.81%	-0.08	0.38

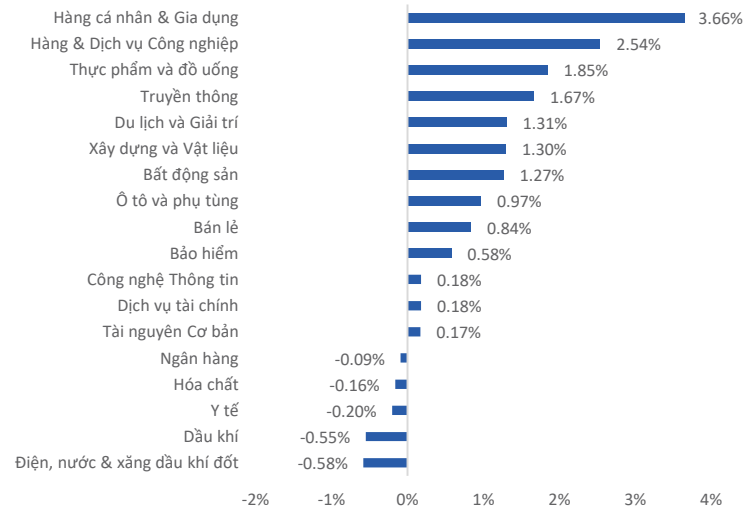
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNI	4.47	-6.88%	0.00	1.31
CLW	45.20	-6.80%	-0.01	0.00
VSH	42.60	-6.37%	-0.15	0.06
FUEIP100	13.30	-6.27%	0.00	0.00
TCR	2.73	-5.86%	0.00	0.00

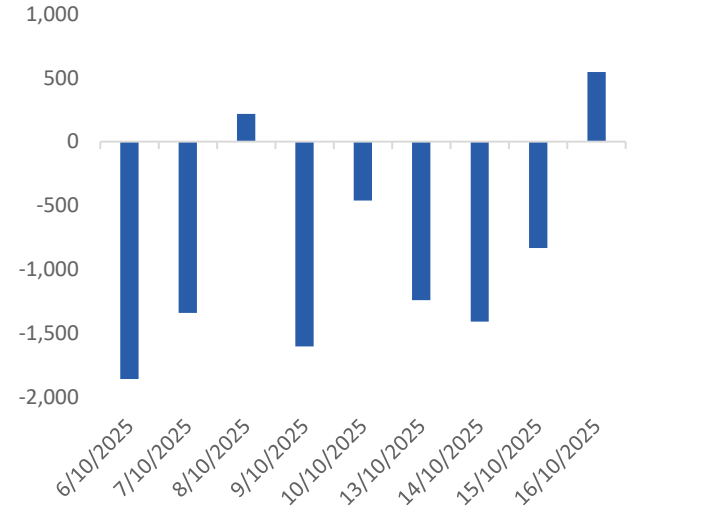
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	34.50	-9.92%	-0.14	0.00
GMA	38.60	-9.81%	-0.28	0.00
PIA	26.20	-9.66%	-0.04	0.00
PJC	25.20	-9.35%	-0.06	0.00
GDW	36.10	-8.84%	-0.11	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.5	1.4%	1.3	123,155	577.3	3,304	25.2	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	37.0	5.9%	1.5	32,914	372.6	1,835	19.1	46,000	11.3%	Link
KDH	Bất động sản	34.2	0.3%	1.4	38,268	354.9	716	47.6	39,900	28.5%	Link
PDR	Bất động sản	26.3	3.1%	1.9	24,985	779.3	177	144.4	28,200	9.2%	Link
VHM	Bất động sản	122.0	-1.6%	0.8	509,319	1172.1	6,984	17.8	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	89.8	0.2%	0.8	152,634	726.0	5,092	17.6	118,700	36.3%	Link
BSR	Dầu khí	28.1	-0.9%	0.0	87,744	208.8	(16)		23,200	0.7%	Link
PVS	Dầu khí	31.1	2.0%	1.5	14,578	131.1	2,644	11.5	42,800	9.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.8	0.4%	1.4	28,835	193.0	1,188	22.5		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.4	-0.2%	1.4	86,047	1283.3	1,566	26.5		36.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	42.7	-0.2%	1.2	30,891	385.1	1,368	31.3		24.0%	
DCM	Hóa chất	34.6	1.8%	1.3	18,000	87.6	3,186	10.7	47,300	5.3%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	0.0%	1.2	36,079	133.7	8,175	11.6	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	0.0%	0.9	135,094	354.4	3,305	8.0	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	39.8	1.0%	0.9	276,291	150.6	3,683	10.7	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	53.8	-1.8%	1.2	294,276	598.8	5,608	9.8	53,500	26.0%	Link
HDB	Ngân hàng	33.4	0.9%	1.2	127,247	912.3	3,942	8.4	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	27.2	-0.2%	1.1	219,499	880.8	3,046	9.0	32,000	21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	13.3	0.0%	1.0	41,340	252.0	1,634	8.1	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	59.5	-0.8%	1.0	113,113	617.3	6,148	9.8		17.2%	
TCB	Ngân hàng	41.3	1.1%	1.1	289,119	904.5	3,017	13.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.8	0.3%	1.2	52,047	346.6	2,423	8.1	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	62.9	0.6%	0.9	522,230	290.9	4,148	15.1	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.0	-1.2%	0.9	68,931	170.1	2,218	9.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	33.2	-1.5%	1.2	267,373	1035.6	2,603	13.0	35,600	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.3	0.0%	1.3	216,832	1345.9	1,750	16.1	34,300	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	0.3%	1.6	11,457	101.5	751	24.6	23,800	8.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.0	0.0%	1.2	10,391	109.0	4,124	6.6	31,700	3.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	88.2	6.9%	1.3	119,288	4976.2	1,861	44.3	92,700	23.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	0.7%	0.5	132,921	314.2	4,101	15.5	64,500	49.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.8	-0.24%	1.4	9,046	56.0	2,215	18.5	20.4%		Link
FRT	Bán lẻ	139.5	-1.76%	0.7	24,183	34.5	3,163	44.9	31.3%		Link
BVH	Bảo hiểm	51.4	0.78%	1.1	37,858	18.4	3,278	15.6	27.0%		
DIG	Bất động sản	24.6	6.96%	1.6	18,318	1085.7	211	109.3	4.2%		
DXG	Bất động sản	22.5	6.90%	1.6	21,397	1476.0	350	60.1	22.0%		Link
HDC	Bất động sản	42.0	1.94%	1.5	7,348	195.0	482	85.6	6.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	35.7	0.00%	1.5	13,208	249.0	540	66.1	19.7%		Link
IDC	Bất động sản	36.9	-0.81%	1.5	14,117	137.8	3,977	9.4	13.3%		Link
NLG	Bất động sản	42.1	7.00%	1.6	15,133	598.6	1,709	23.0	44.4%		Link
SIP	Bất động sản	54.0	0.00%	1.2	13,074	37.5	5,215	10.4	3.3%		
SZC	Bất động sản	32.5	0.31%	1.2	5,832	24.9	1,978	16.4	2.7%		Link
TCH	Bất động sản	25.5	4.08%	1.6	21,283	388.4	1,106	22.2	12.0%		Link
VIC	Bất động sản	213.1	1.72%	0.9	807,207	1101.1	3,487	60.1	3.8%		
VRE	Bất động sản	43.4	3.58%	1.0	95,210	768.9	1,937	21.6	15.2%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.0	-0.52%	1.3	8,089	20.3	1,700	22.5	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	33.7	0.00%	1.0	42,819	58.5	1,661	20.3	15.6%		Link
PVD	Dầu khí	20.5	0.00%	1.3	11,396	158.6	1,428	14.4	3.3%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.4	-1.01%	1.4	12,041	68.2	1,348	25.8	24.9%		
MBS	Dịch vụ tài chính	33.7	-0.88%	1.6	22,396	200.7	1,682	20.2	5.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.7	-0.51%	1.0	142,364	56.3	5,002	11.8	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	0.35%	1.3	33,489	173.5	636	22.5	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.8	-1.39%	0.7	35,045	59.5	4,417	14.7	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	173.5	6.38%	0.8	96,492	1160.2	3,427	47.6	7.0%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.4	3.97%	1.7	56,761	1919.0	1,736	36.2	8.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.5	-2.17%	1.2	29,428	169.0	3,824	18.0	42.6%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.8	-0.18%	1.1	9,439	82.3	5,700	9.8	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.5	-0.28%	1.1	8,247	23.4	2,306	7.6	8.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.8	1.01%	0.0	12,032	81.7	3,317	29.8	4.6%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	92.1	6.97%	1.1	29,373	269.2	6,115	14.1	48.3%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	-0.69%	1.0	3,249	7.6	2,693	10.8	49.1%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	0.00%	1.5	2,280	18.1	2,841	6.6	17.1%		Link
DPM	Hóa chất	23.9	1.92%	1.3	15,910	92.2	957	24.5	5.5%		Link
GVR	Hóa chất	27.2	-0.91%	1.4	109,800	99.2	1,331	20.6	0.3%		
EIB	Ngân hàng	26.6	-0.56%	1.1	49,828	237.3	1,783	15.0	4.8%		Link
LPB	Ngân hàng	51.3	-0.58%	0.4	154,144	169.2	3,324	15.5	1.0%		Link
NAB	Ngân hàng	14.8	0.00%	0.0	25,392	20.0	2,260	6.6	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	13.0	-0.38%	0.9	34,753	46.2	1,130	11.6	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.5	2.65%	1.4	7,609	182.2	666	25.5	5.4%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.6	-2.39%	1.4	8,347	130.3	1,871	16.8	4.7%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	-0.88%	0.5	10,413	43.2	1,981	17.3	3.3%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.2	-0.11%	0.6	58,036	26.0	3,185	14.2	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.3	0.18%	1.2	12,165	23.4	6,444	8.4	18.9%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	150.5	6.44%	0.5	11,575	39.2	13,894	10.2	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.1	1.92%	1.4	8,469	62.6	4,565	18.3	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	81.4	0.49%	1.3	9,265	17.0	4,930	16.4	5.4%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.3	1.86%	1.5	4,879	143.5	2,518	19.2	6.0%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.9	3.26%	1.4	7,636	199.4	1,077	14.3	9.7%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.4	-1.89%	1.0	8,512	120.4	1,189	20.0	13.9%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.7	1.65%	1.1	17,616	333.9	1,195	22.8	8.2%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	52.7	1.35%	1.5	23,314	68.8	3,343	15.6	5.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>